TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2019 / HNGĐ-ST.
Ngày: 06 – 5 – 2019 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Cao Thành Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Y, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Phú Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Năm 2014 chị Đ, anh Q kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vợ, chồng chị Đ sinh sống Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2015 vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 6 năm 2014 chị Đ, anh Q đã ly thân không đoàn tựu lại. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ yêu cầu ly hôn cùng anh Đặng Phú Q.

-Về con chung: 02 con chung Đặng Gia H, sinh ngày 07/7/2014 và Đặng Gia B, sinh ngày 30/4/2017. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị Đ. Sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh chị Đ đã cung cấp cho Tòa án và được hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Trình bày, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Giao 02 con chung Đặng Gia H, sinh ngày 07/7/2014 và Đặng Gia B, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Q vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 anh Q uý, chị Đ kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng chị Đ và hiện nay đã ly thân nhiều năm không đoàn tựu lại là có thật bởi chị Đ hiện nay về nhà cha, mẹ ruột ở. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay 02 con chung Đặng Gia H, sinh ngày 07/7/2014 và Đặng Gia B, sinh ngày 30/4/2017 sống chung chị Đ. Nên giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với bị đơn Đặng Phú Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Đặng Gia H, sinh ngày 07/7/2014 và Đặng Gia B, sinh ngày 30/4/2017 chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006820, ngày 16/01/2019, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Đặng Phú Q vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã B 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Long

Ông Cao Thành Phước

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019; Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung* ", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Tấn Hưng, xã Tấn Mỹ , huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Phú Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Ý kiến của ông Cao Thành Phước:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp Phước Lộc A, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Q vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 anh Q uý, chị Đ kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh ,chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng chị Đ và hiện nay đã ly thân nhiều năm không đoàn tựu lại là có thật bởi chị Đ hiện nay về nhà cha, mẹ ruột ở. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay 02 con chung Đặng Gia Huy, sinh ngày 07/7/2014 và Đăng Gia Bảo, sinh ngày 30/4/2017 sống chung chị Đ. Nên giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến của ông Nguyễn Thành Long: Thống nhất ý kiến của ông Cao Thành Phước, ông Long không có ý kiến khác.

Ý kiến chủ Tọa ông Huỳnh Công Hảo thống nhất ý kiến 02 vị hội thẩm và bổ sung thêm quyền kháng cáo của các đương sự.

Cuối cùng hội đồng xét xử với tỷ lệ thống nhất 3/3 (tỷ lệ 100%) về các vấn đề sau:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với bị đơn Đặng Phú Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Đặng Gia Huy, sinh ngày 07/7/2014 và Đăng Gia Bảo, sinh ngày 30/4/2017 chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006820, ngày 16/01/2019, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Văn nghiệp vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc cùng ngày. Có đọc lại cho tất cả cùng nghe và đồng ý ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**